UBND TỈNH BẾN TRE
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*phụ lục số 01*

# THÔNG BÁO SỐ LIỆU HỌC SINH TN THCS ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 10 CÁC TRƯỜNG THPT

*(kèm Công văn số 1076/SGD&ĐT-KHTC ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

| STT | Đơn vị | Số lớp, số học sinh hiện có năm học 23-24 | | Số học sinh lớp 9 (theo thống kê) | Số liệu các Phòng GD&ĐT báo cáo | | Chỉ tiêu học sinh lớp 10 năm học 24-25 (chỉ tiêu TS 70%) | Dự kiến chỉ tiêu TS lớp 10 năm học 2024-2025 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lớp | Số học sinh | | Số học sinh lớp 9 hiện có | Số học sinh đăng ký TS vào lớp 10 năm học 24-25 | | Số lớp | Số học sinh | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | **Thành phố Bến Tre** | **33** | **1.316** | **1.992** | **1.956** | **1.871** | **1.295** | **31** | **1.295** | |
| 1 | THPT Chuyên Bến Tre | 8 | 241 | | | 364 | 240 | 8 | 240 | |
| 2 | THPT Nguyễn Đình Chiểu | 10 | 409 | | | 430 | 301 | 7 | 301 | |
| 3 | THPT Võ Trường Toản | 8 | 353 | | | 640 | 448 | 10 | 448 | |
| 4 | THPT Lạc Long Quân | 7 | 313 | | | 437 | 306 | 7 | 306 | |
| | **Huyện Châu Thành** | **31** | **1.331** | **2.020** | **1.990** | **1.987** | **1.391** | **31** | **1.391** | |
| 5 | THPT Trần Văn Ơn | 10 | 450 | | | 696 | 487 | 11 | 487 | |
| 6 | THPT Mạc Đĩnh Chi | 5 | 214 | | | 339 | 237 | 5 | 237 | |
| 7 | THPT Nguyễn Huệ | 10 | 410 | | | 646 | 452 | 10 | 452 | |
| 8 | THPT Diệp Minh Châu | 6 | 257 | | | 306 | 214 | 5 | 214 | |
| | **Huyện Bình Đại** | **23** | **993** | **1.824** | **1.790** | **1.640** | **1.148** | **26** | **1.148** | |
| 9 | THPT Lê Hoàng Chiếu | 6 | 253 | | | 344 | 241 | 5 | 241 | |
| 10 | THPT Huỳnh Tấn Phát | 6 | 259 | | | 431 | 302 | 7 | 302 | |
| 11 | THPT Lê Quí Đôn | 6 | 260 | | | 381 | 267 | 6 | 267 | |
| 12 | THPT Thạnh Phước | 5 | 221 | | | 484 | 339 | 8 | 339 | |
| | **Huyện Giồng Trôm** | **29** | **1.282** | **2.270** | **2.228** | **2.043** | **1.430** | **32** | **1.430** | |
| 13 | THPT Phan Văn Trị | 6 | 260 | | | 377 | 264 | 6 | 264 | |
| 14 | THPT Nguyễn Thị Định | 9 | 396 | | | 643 | 450 | 10 | 450 | |
| 15 | THPT Nguyễn Trãi | 9 | 400 | | | 657 | 460 | 10 | 460 | |
| 16 | THPT Nguyễn Ngọc Thăng | 5 | 226 | | | 366 | 256 | 6 | 256 | |
| | **Huyện Ba Tri** | **34** | **1.520** | **2.684** | **2.647** | **2.565** | **1.796** | **40** | **1.796** | |
| 17 | THPT Phan Ngọc Tòng | 6 | 272 | | | 528 | 370 | 8 | 370 | |
| 18 | THPT Sương Nguyệt Anh | 7 | 305 | | | 545 | 382 | 8 | 382 | |
| 19 | THPT Tán Kế | 5 | 226 | | | 380 | 266 | 6 | 266 | |
| 20 | THPT Phan Liêm | 10 | 446 | | | 733 | 513 | 11 | 513 | |
| 21 | THPT Phan Thanh Giản | 6 | 271 | | | 379 | 265 | 6 | 265 | |
| | **Huyện Mỏ Cày Nam** | **32** | **1.404** | **2.149** | **2.111** | **2.154** | **1.508** | **34** | **1.508** | |
| 22 | THPT Cheguevara | 10 | 435 | | | 620 | 434 | 10 | 434 | |

| STT | Đơn vị | Số lớp, số học sinh hiện có năm học 23-24 | | Số học sinh lớp 9 (theo thống kê) | Số liệu các Phòng GD&ĐT báo cáo | | Chỉ tiêu học sinh lớp 10 năm học 24-25 (chỉ tiêu TS 70%) | Dự kiến chỉ tiêu TS lớp 10 năm học 2024-2025 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lớp | Số học sinh | | Số học sinh lớp 9 hiện có | Số học sinh đăng ký TS vào lớp 10 năm học 24-25 | | Số lớp | Số học sinh | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 23 | THPT Ca Văn Thỉnh | 4 | 178 | | | 242 | 169 | 4 | 169 | |
| 24 | THPT An Thới | 6 | 267 | | | 444 | 311 | 7 | 311 | |
| 25 | THPT Quản Trọng Hoàng | 6 | 257 | | | 462 | 323 | 7 | 323 | |
| 26 | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 6 | 267 | | | 386 | 270 | 6 | 270 | |
| | **Huyện Mỏ Cày Bắc** | **18** | **787** | **1.524** | **1.508** | **1.275** | **893** | **20** | **893** | |
| 27 | THPT Ngô Văn Cấn | 7 | 314 | | | 508 | 356 | 8 | 356 | |
| 28 | THPT Lê Anh Xuân | 7 | 305 | | | 490 | 343 | 8 | 343 | |
| 29 | THPT Nhuận Phú Tân | 4 | 168 | | | 277 | 194 | 4 | 194 | |
| | **Huyện Thạnh Phú** | **27** | **1.196** | **1.996** | **1.949** | **1.922** | **1.345** | **30** | **1.345** | |
| 30 | THPT Lê Hoài Đôn | 8 | 356 | | | 534 | 374 | 8 | 374 | |
| 31 | THPT Trần Trường Sinh | 5 | 224 | | | 326 | 228 | 5 | 228 | |
| 32 | THPT Đoàn Thị Điểm | 9 | 390 | | | 640 | 448 | 10 | 448 | |
| 33 | THPT Lương Thế Vinh | 5 | 226 | | | 422 | 295 | 7 | 295 | |
| | **Huyện Chợ Lách** | **20** | **848** | **1.501** | **1.469** | **1.390** | **973** | **24** | **1.007** | |
| 34 | THPT Trần Văn Kiết | 9 | 371 | | | 588 | 412 | 10 | 412 | |
| 35 | THPT Trương Vĩnh Ký | 7 | 302 | | | 401 | 281 | 6 | 281 | |
| 36 | THPT Võ Văn Kiệt | 4 | 175 | | | 401 | 281 | 7 | 315 | |
| | **Tổng** | **247** | **10.677** | **17.960** | **17.648** | **16.847** | **11.778** | **266** | **11.812** | |